TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠC LIÊU
PHÒNG ĐÀO TẠO - NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY HỆ TRUNG CẤP NĂM HỌC 2014 - 2015

SỐ THỨ TỰ	NGÀNH ĐÀO TẠO	Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52
		Từ	1/9/2014	8/9/14	15/9/14	22/9/14	29/9/14	6/10/14	13/10/14	20/10/14	27/10/14	3/11/14	10/11/14	17/11/14	24/11/14	1/12/14	8/12/14	15/12/14	22/12/14	29/12/14	5/1/15	12/1/15	19/1/15	26/1/15	2/2/15	9/2/15	16/2/15	23/2/15	2/3/15	9/3/15	16/3/15	23/3/15	30/3/15	6/4/15	13/4/15	20/4/15	27/4/15	4/5/15	11/5/15	18/5/15	25/5/15	1/6/15	8/6/15	15/6/15	22/6/15	29/6/15	6/7/15	13/7/15	20/7/15	27/7/15	3/8/15	10/8/15	17/8/15	24/8/15
		Đến	6/9/2014	13/9/14	20/9/14	27/9/14	4/10/14	11/10/14	18/10/14	25/10/14	1/11/14	8/11/14	15/11/14	22/11/14	29/11/14	1/12/14	13/12/14	20/12/14	27/12/14	3/1/15	10/1/15	17/1/15	24/1/15	31/1/15	7/2/15	14/2/15	21/2/15	28/2/15	7/3/15	14/3/15	21/3/15	28/3/15	4/4/15	11/4/15	18/4/15	25/4/15	2/5/15	9/5/15	16/5/15	23/5/15	30/5/15	6/6/15	13/6/15	20/6/15	27/6/15	4/7/15	11/7/15	18/7/15	25/7/15	1/8/15	8/8/15	15/8/15	22/8/15	29/8/15
		SỐ LƯỢNG												20/11						01/01	09/01																				30/04 01/05																	
1	Y SĨ CHUYÊN KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN KHÓA V	53	ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP Y SĨ						KẾT THÚC CHƯƠNG TRÌNH Y SĨ		Lý luận YHCT (45,0)*III		Sáng: thực hành CC-PPCBKDT (0,90)*III					Đông dược và bào chế đông dược (60,30)*V			PHONG TRÀO 9/1	Bệnh học Nội - Nhi YHCT (45,60)*V, Bệnh học Ngoại - Sản YHCT (30,60)*IV					NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN		Bệnh học Ngoại - Sản YHCT (30,60)*IV			Thực tập tốt nghiệp (0,240)*IV						ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP		CHỜ NHẬN BẰNG TỐT NGHIỆP				LỄ TỐT NGHIỆP	KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO									
													Chiều: lý thuyết CC-PPĐTKDT (45,0)*III																																											
2	Y SĨ CHUYÊN KHOA Y HỌC DỰ PHÒNG KHÓA V	134									Sức khỏe môi trường (30,30)*III, Sức khỏe nghề nghiệp (30,30)*III					Dịch tễ học (30,30)*III, Dinh dưỡng-Vệ sinh an toàn thực phẩm (30,30)*III						Y tế học đường (30,30)*III, Khoa học hành vi - GDSK (30,30)*III							Thống kê - KTYT (45,45)*IV			Thực tập tốt nghiệp (0,240)*IV																						
3	KỸ THUẬT VIÊN XÉT NGHIỆM ĐA KHOA KHÓA IX	41	Xét nghiệm ký sinh trùng đường ruột - Đơn bào - Nấm 2 (0,152)*IV, Bệnh học (45,0)*III					Chính trị (75,0)*V, Hóa phân tích (27,48)*III, Xét nghiệm vi sinh vật 2 (0,80)*II					Xét nghiệm vi sinh vật 3 (0,116)*III			Tổ chức và quản lý y tế (30,0)*II, Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe (30,0)*II, Xét nghiệm hóa sinh 2 (0,180)*IV						Xét nghiệm huyết học 2 (0,60)*II, Xét nghiệm huyết học 3 (0,140)*IV							Xét nghiệm huyết học 3 (0,140)*IV			Thực hành bệnh viện (0,240)*IV						THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,320)*IV								ÔN VÀ THI TỐT NGHIỆP								
4	ĐIỀU DƯỠNG TRUNG HỌC KHÓA XXI	32	Tổng kết năm học 2013-2014	Lâm sàng Chăm sóc Nội (0,100)*II, Chăm sóc Ngoại (0,100)*II										Lâm sàng CSSKPN, BM & GĐ (0,160)*IV, CSSK Trẻ em (0,160)*IV								Lâm sàng CSSKPN, BM & GĐ (0,160)*IV, CSSK Trẻ em (0,160)*IV							Lâm sàng CSSKPN, BM & GĐ (0,160)*IV, CSSK Trẻ em (0,160)*IV				Lâm sàng chăm sóc người bệnh tâm thần (0,40)*I, Chăm sóc nhiễm (0,80)*II, Chăm sóc người bệnh cao tuổi (0,40)*I									Lâm sàng PHCN (0,40)*I	Lâm sàng IMCI (0,40)*I ĐD-PPT-GMHS (0,80)*II			THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,280)*V							ÔN THI TỐT NGHIỆP	
				Chính trị (75,0)*V, Chăm sóc sức khỏe trẻ em (30,0)*II, Chăm sóc ngoại khoa (45,0)*III							Dinh dưỡng - tiết chế (15,30)*II, Nghề nghiệp và đạo đức ĐD (30,0)*II					CSSK phụ nữ, BM & GĐ (30,0)*II, Y học cổ truyền (15,30)*II						Chăm sóc nội khoa 2 (60,0)*IV, Chăm sóc người bệnh cấp cứu - CS tích cực (30,0)*II							Kỹ năng giao tiếp - GDSK (15,30)*II, Chăm sóc người bệnh chuyên khoa (30,0)*II						Điều dưỡng phòng phẫu thuật gây mê - hồi sức (30,30)*III, IMCI (15,0)*I																			
5	HỘ SINH TRUNG HỌC KHÓA XXI	23		Lâm sàng Sản phụ 1 (0,60)*II, CSSK trẻ em (0,60)*II						Thực tập Tại phòng sanh (0,80)*II, Lâm sàng chăm sóc nội 2 (0,40)*I, Chăm sóc nhiễm (0,40)*I								Thực tập cộng đồng (0,80)*II, Lâm sàng sản phụ 2 V1 (0,80)*II				Thực tập cộng đồng (0,80)*II, Lâm sàng sản phụ 2 V1 (0,80)*II							Lâm sàng nhi khoa 2 (0,40)*I, Sản phụ 2 V2 (0,40)*I			Lâm sàng Sản phụ 3 (0,220)*IV, Thực tập Dân số - kế hoạch hóa gia đình (0,100)*II										THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,320)*V								ÔN THI TỐT NGHIỆP				
				Chính trị (75,0)*V		Chăm sóc bà mẹ trong đẻ (60,30)*IV, Chăm sóc sức khỏe trẻ em (45,5)*III							Chăm sóc bà mẹ sau đẻ (12,8)*I, Điều dưỡng các bệnh truyền nhiễm và bệnh chuyên khoa(30,0)*II				Dân số - KHHGĐ (27,13)*II, Điều dưỡng cộng đồng (20,4)*I					Kỹ năng giao tiếp và GDSK (15,30)*II, Y học cổ truyền (22,8)*II							Quản lý và tổ chức y tế (30,0)*II, PHCN - Vật lý trị liệu (12,12)*I																									
6	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC KHÓA XII	89		Chính trị (75,0)*V		Hóa phân tích định tính (30,40)*III, Hóa phân tích định lượng (28,52)*III, Truyền thông - GDSK (18,12)*II, Tổ chức và quản lý y tế (30,0)*II								Hóa dược - dược lý 2 (51,40)*IV, Bào chế 1 (48,60)*IV								Quản lý dược (75,0)*V, Hóa dược - DL 3 (40,0)*III			Thực tế cơ sở (0,80)*II				Bào chế 2 (42,40)*III						Thực tập lâm sàng Hóa dược III (0,100)*IV					THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,400)*IV (XN Dược Cà mau: 120t, Khoa dược BV huyện: 120t, Khoa dược BV tỉnh: 120t, Công ty Dược 20t, Kiểm nghiệm: 20t)										ÔN THI TỐT NGHIỆP				
																																				Kiểm nghiệm thuốc (45,56)*IV																			
7	Y SĨ ĐA KHOA KHÓA VI	186		Lâm sàng Nội (0,120)*III, Ngoại khoa (0,120)*III, Nhi khoa (0,120)*III, Sản phụ khoa (0,40)*I, Nhiễm (0,40)*I, YHCT (0,80)*II																		Lâm sàng							Lâm sàng		Lâm sàng Nhiễm (0,40)*I, Y học cổ truyền (0,80)*II, TH KNGT - GDSK (0,30)*I				Thực tập cộng đồng (0,80)*II		Chính trị (75,0)*V, Quản lý và tổ chức y tế (30,0)*II, Bệnh chuyên khoa (60,0)*IV									THỰC TẬP TỐT NGHIỆP (0,240)*IV						ÔN THI TỐT NGHIỆP		
				Bệnh nội khoa (75,0)*V, Sức khỏe sinh sản (60,30)*V				Y học cổ truyền (30,40)*III, Phục hồi chức năng (30,0)*II						Bệnh học ngoại (60,0)*IV, Sức khỏe trẻ em (75,0)*V, Kỹ năng giao tiếp - GDSK (30,0)*II, **Lâm sàng YHCT (0,80)*II**								Bệnh truyền nhiễm, xã hội (75,0)*V, Y tế cộng đồng (30,30)*III, **Lâm sàng YHCT (0,80)*II**							Lâm sàng YHCT (0,80)*II																									
8	KỸ THUẬT VIÊN XÉT NGHIỆM ĐA KHOA KHÓA X	40	LÀM THỦ TỤC NHẬP HỌC		TUẦN SINH HOẠT CÔNG DÂN ĐẦU KHÓA	Sáng: Anh văn 1 (50,0)*III			Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản (27,48)*III, Giáo dục thể chất 1 (4,26)*I, Giáo dục thể chất 2 (0,30)*I				Tin học (20,40)*III, Giải phẫu - Sinh lý (50,20)*III, Dược lý (30,0)*II						Chính trị (75,0)*V			Giáo dục pháp luật (30,0)*II, Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu (21,24)*II							Vệ sinh phòng bệnh (30,0)*II, Anh văn 2 (50,0)*III, Xét nghiệm KST đường ruột - Đơn bào - Nấm 1 (58,0)*III							Xét nghiệm Hóa sinh 1 (75,0)*V, Xét nghiệm vi sinh vật 1 (74,0)*V						Xét nghiệm huyết học 1 (70,0)*IV, Hóa phân tích (27,48)*III							Nghỉ hè					
						Chiều: GDQP-AN (30,45)*III																																																
9	ĐIỀU DƯỠNG KHÓA XXII	50				Sáng: Anh văn (60,30)*V, Giáo dục pháp luật (30,0)*II						Tin học (30,30)*III, Chính trị (75,0)*V				Giải phẫu - Sinh lý (60,30)*V, Giải phẫu sinh lý tự chọn (30,0)*II, Vi sinh - Ký sinh trùng (30,0)*II						Dược lý (30,0)*II, SK - MT - VS - NCSK - HVCN (15,30)*II, Điều dưỡng cơ sở 1 (45,60)*V							Dinh dưỡng - Tiết chế (15,30)*II, Điều dưỡng cơ sở 2 (30,90)*V, Kiểm soát nhiễm khuẩn (30,30)*III								Lâm sàng ĐDCS (0,80)*II				Lâm sàng Chăm sóc Nội khoa 1 (0,80)*II, Chăm sóc Ngoại (0,80)*II													
						Chiều: GDQP-AN (30,45)*III			Giáo dục thể chất (15,45)*II																													Nghề nghiệp và đạo đức người điều dưỡng (30,0)*II, Chăm sóc nội khoa 1 (60,0)*IV, Chăm sóc ngoại khoa (45,0)*III																	
10	HỘ SINH KHÓA XXII	50				Sáng: GDQP-AN (15,60)*II			Giáo dục thể chất I (0,30)*I, Giáo dục thể chất II (0,30)*I			Giải phẫu - Sinh lý (56,30)*IV, Dược lý (36,4)*II					Giáo dục pháp luật (30,0)*II, Vi ký sinh (16,8)*I, Điều dưỡng cơ bản - KTĐD (30,40)*III					Cấp cứu ban đầu (12,12)*II, Chăm sóc sức khỏe phụ nữ (33,7)*II, Anh văn 2 (60,0)*IV, Vệ sinh phòng bệnh (20,10)*II							Điều dưỡng Nội - Ngoại (45,0)*III, Dinh dưỡng (17,3)*I, Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén (45,10)*III								Sáng: Lâm sàng nội 1 (0,60)*I, Ngoại (0,60)*II, Sản phụ I (0,120)*III																	
						Chiều: Anh văn 1 (60,0)*III			Tin học (20,40)*II																													Chăm sóc bà mẹ trong đẻ (60,30)*IV, Chăm sóc sức khỏe trẻ em (45,5)*III, Chính trị (75,0)*V																	
11	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC KHÓA XIII	100				Sáng: Anh văn 1 (50,0)*III			Tin học (20,40)*II			Giáo dục thể chất 1 (0,30)*I, Giáo dục thể chất 2 (0,30)*I, Viết - đọc tên thuốc (15,16)*II					Giáo dục Pháp luật (30,0)*II, Chính trị (75,0)*V					Thực vật (35,40)*III							Y học cơ sở 2 (77,0)*IV, Anh văn 2 (50,0)*III					Bảo quản thuốc (25,4)*I, Hóa dược - dược lý 1 (60,40)*V, Dược liệu (60,60)*V									Anh văn 3 (50,0)*III, Hóa phân tích định lượng (28,52)*III											
						Chiều: GDQP-AN (15,60)*II			Y học 1 (30,28)*II													Hóa phân tích định tính (30,40)*III																																		
12	Y SĨ KHÓA VII	150				Sáng: GDQP-AN (30,45)*III			Giáo dục thể chất (15,45)*II			Anh văn (60,30)*V, Giải phẫu - Sinh lý (60,30)*V, Điều dưỡng cơ bản - KTĐD (30,40)*III, Vi sinh - Ký sinh trùng (30,0)*II										Giải phẫu - Sinh lý (tự chọn) (30,0)*II, Vệ sinh phòng bệnh (30,0)*II, Dược lý (30,30)*III							Dinh dưỡng - Vệ sinh an toàn thực phẩm (30,0)*II, Chính trị (75,0)*V						Lâm sàng Điều dưỡng cơ bản - KTĐD (0,80)*II					Lâm sàng Nội V1 (0,40)*I, Ngoại V1 (0,40)*I, Nhi V1 (0,40)*I, Sản V1 (0,40)								DỰ TRỮ						
						Chiều: Tin học (30,30)*III, Pháp luật (30,0)*II																													Bệnh học nội (75,0)*V, Sức khỏe sinh sản (60,30)*V, Sức khỏe trẻ em (75,0)*IV, Bệnh học ngoại (60,0)*IV																			
13	DƯỢC SĨ TRUNG HỌC LIÊN THÔNG KHÓA VIII	19	Nghỉ đợt I													Chính trị (55,20)*V, Truyền thông - Giáo dục sức khỏe (30,0)*II				Tổ chức - quản lý y tế (30,0)*II		Kiểm nghiệm thuốc (45,40)*IV, Hóa dược 3 (40,80)*IV							HD 3 (40,80) *IV	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP		ÔN TẬP VÀ THI TỐT NGHIỆP				KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO																		
14	DƯỢC SƠ CẤP KHÓA XIII (Học thứ 7 & chủ nhật: 20 tiết/tuần)	107	Chính trị - Pháp luật (65,0)*III			Đọc và viết tên thuốc (10,20)*I, Y học (66,20)*V					Dược Liệu (60,40)*V				Sử dụng thuốc (86, 60)*V							Sử dụng thuốc (86, 60)*V		Quản lý dược (64,12)*IV					Quản lý dược (64,12)*IV	Bào chế (56,60)*V, Bảo quản thuốc và dụng cụ y tế (14,16)*I						THỰC TẬP THỰC TẾ (0,400)*V										ÔN THI TỐT NGHIỆP		LỄ TỐT NGHIỆP	KẾT THÚC KHÓA ĐÀO TẠO					

Ghi chú:

- 🟧 Làm thủ tục nhập học
- 🟨 Tuần sinh hoạt CD đầu khóa - đầu năm
- ⬜ Giờ học lý thuyết, giờ học thực hành - thực tập môn học tại trường
- 🟩 Giáo dục quốc phòng - an ninh
- 🟩 Giờ học lâm sàng Thực tập tốt nghiệp- Thi tốt nghiệp
- 🟥 Ngày lễ
- 🟩 Nghỉ hè - Kết thúc 1 đợt - Nghỉ tết
- 🟦 Ôn thi tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
Phạm Ngọc Điệp

Bạc Liêu, ngày 08 tháng 08 năm 2014
LẬP BẢNG
(Đã ký)
Nguyễn Kim Nhang